

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LƯƠNG SƠN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-ST

Ngày: 26/10/2023

V/v: Tranh chấp tài sản (vật nuôi)

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ánh Hồng và ông Nguyễn Thế Hùng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa:

Bà Chu Thị Mai Phương - Kiểm sát viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện

Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Ngày 26 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc: Tranh chấp tài sản (vật nuôi) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 9 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐ ST – DS ngày 28/9/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1962. Có mặt

Nơi cư trú: Xóm G, xã NT, huyện LS, tỉnh Hòa Bình

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1969. Có mặt

Nơi cư trú: Xóm G, xã NT, huyện LS, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các Biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị V trình bày:

Gia đình bà có 01 con lợn cái, giống lợn rừng được nuôi thả trong khu vực chăn nuôi của gia đình cùng 01 con lợn đực (giống lợn rừng), đến tháng 11/2022 con lợn cái này mang thai sắp đến ngày sinh sản và cuối tháng 11/2022 con lợn

cái này bị mất, gia đình đã đi tìm nhưng không thấy. Đến ngày 28/11/2022 có ông Nguyễn Văn L là người ở cùng thôn bắt được 01 đàn lợn gồm 01 con lợn nái (giống lợn rừng) và 08 con lợn con mới đẻ về khu chăn nuôi của gia đình ông L nuôi. Bà V đã đến xem thấy đây đúng là con lợn nái giống lợn rừng của mình bị mất mới sinh sản được 08 con lợn con nên đã xin lại, nhưng ông L không đồng ý trả. Hai bên thương lượng nhiều lần nhưng không thống nhất được. Đến tháng 04/2023 thì 04 con lợn con đã xổng chuồng chăn nuôi nhà anh L rồi vào khu chăn nuôi của nhà bà V. Bà V đã giữ lại nuôi nhốt 04 con lợn con này từ đó đến nay. Bà V khẳng định con lợn nái giống lợn rừng ông L đang giữ đúng là con lợn nái của bà đã bị mất hồi cuối tháng 11/2022 là mẹ của 08 con lợn con được lấy giống từ con lợn đực (giống lợn rừng) khi nuôi nhốt chung tại khu chăn nuôi của nhà bà. Nay bà V yêu cầu ông L trả bà 01 con lợn nái và 04 con lợn con; Tiền bồi thường thiệt hại

Quá trình giải quyết vụ án, bà Vẽ đã yêu cầu Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định Gen 08 con lợn con với con lợn mẹ; 08 con lợn con với con lợn đực (giống lợn rừng) đang nuôi nhốt tại nhà bà.

Tại phiên tòa bà Vẽ thay đổi yêu cầu so với nội dung đơn khởi kiện nay bà Vẽ yêu cầu anh Nguyễn Văn L phải trả cho bà 01 con lợn nái giống lợn rừng và 04 con lợn con. Buộc ông Nguyễn Văn L phải trả cho bà 20.000.000 đồng tiền chi phí giám định Gen vật nuôi. Không yêu cầu tiền bồi thường thiệt hại.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Nhất trí theo đề nghị của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Văn Lợi phải trả cho bà Nguyễn Thị Vẽ 01 con lợn nái và 04 con lợn con; tiền chi phí giám định Gen 20.000.000 đồng. Rút yêu cầu bồi thường thiệt hại

Tại Bản tự khai đề ngày 13/4/2023 và Biên bản ghi lời khai, bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày như sau:

Ông Nguyễn Văn L xác nhận ngày 28/11/2022, ông có bắt được 01 con lợn nái và 08 con lợn con tại khu đất trống trong thôn Giếng Êm. Khi bắt được đàn lợn này ông có đến hỏi nhà bà V có bị mất lợn không thì bà V và chồng là ông R đều nói không bị mất lợn; mặt khác cùng thời điểm đó gia đình ông cũng bị mất một con lợn nái đang mang thai sắp đến ngày sinh sản và cho rằng đây đúng là lợn của mình bị mất nên đã bắt đàn lợn này về nuôi tại khu chăn nuôi của gia đình. Sau đó bà V có đến xem và xin chuộc lại đàn lợn là 5.000.000đồng nhưng ông không trả vì không có gì để chứng minh đây là con lợn

nái của bà Vẽ. Ông L yêu cầu bà Vẽ phải chứng minh, nếu đúng thì ông sẽ trả lại và ông yêu cầu bà V phải trả cho ông 10.000.000 đồng tiền công giữ và chăn nuôi. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh nguồn gốc con lợn nái, nguồn gốc bố mẹ của 08 con lợn con; không cung cấp tài liệu chứng minh chi phí chăn nuôi chăm sóc 01 con lợn nái và 08 con lợn con, không nộp đơn yêu cầu phản tố mà chỉ trình bày trong lời khai tại Tòa án.

Sau khi tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ; định giá tài sản và có kết luận trung cầu giám định Gen vật nuôi, Tòa án đã thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự nhưng ông L không có mặt nên không hòa giải được. Tòa án đã ghi nhận nội dung phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và gửi Thông báo kết quả phiên họp cho ông L theo quy định chung.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã công bố các tài liệu chứng cứ là các lời khai, biên bản ghi lời khai, Biên bản xác minh, Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, Biên bản định giá, Kết luận giám định Gen vật nuôi.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn:

Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn ông Nguyễn Văn L không chấp hành khi Tòa án triệu tập phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, điều 26; điểm a khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ điều 158; điều 164; khoản 1, điều 166 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Nguyễn Thị V.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn L phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn L phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị V 20.000.000 đồng chi phí giám định. Bà Nguyễn Thị V tự nguyện nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp quyền sở hữu tài sản (vật nuôi);

bị đơn ông Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại thôn G, xã NT, huyện LS, tỉnh Hòa Bình. Vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Thời điểm cuối tháng 11/2022 gia đình bà Nguyễn Thị V có bị mất 01 con lợn nái sắp đến ngày sinh sản. Ngày 28/11/2022, ông Nguyễn Văn L là người cùng thôn có bắt được 01 đàn lợn gồm 01 con lợn nái và 08 con lợn con mới sinh sản ở khu vực đất trống thuộc G xã NTh, huyện LS, tỉnh Hòa Bình ông L đã đưa về khu chăn nuôi của gia đình để chăn giữ. Con lợn nái có đặc điểm giống lợn rừng; 08 con lợn con mới sinh. Cùng ngày bà Nguyễn Thị V đã đến xem và nhận thấy đây đúng là con lợn nái của gia đình đã bị mất, còn 08 con lợn con mới sinh là con của con lợn nái đã mất này, bố của 08 con lợn con là con lợn đực giống lợn rừng chăn nuôi tại nhà bà V. Bà V đã đề nghị ông L trả lại cho mình 01 con lợn nái và 08 con lợn con mới sinh nhưng ông L không trả. Sau khi sự việc xảy ra, gia đình bà V đã báo chính quyền địa phương, Công an xã Nhuận Trạch đã tiến hành giải quyết nhưng không có kết quả, ông L tiếp tục nuôi giữ 01 con lợn nái và 08 con lợn con. Đến khoảng tháng 4/2023 thì có 04 con lợn con xổng chuồng về khu vực chăn nuôi của gia đình bà V. Hiện bà V đang nuôi giữ 04 con lợn con này, còn ông L nuôi giữ 01 con lợn nái và 04 con lợn con.

3. Ý kiến của các đương sự:

Ý kiến của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V: Con lợn nái sắp đến ngày sinh sản bị mất hồi tháng 11/2022 thuộc giống lợn lai rừng, màu nâu đen, lông dài. Con lợn nái này phối giống tự nhiên với con lợn đực giống lợn rừng được chăn thả cùng tại khu chăn nuôi của gia đình bà V và mang thai. Con lợn đực này chỉ nuôi nhốt tại đây không đưa đi đâu.

Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn L: Nguồn gốc con lợn nái là của gia đình ông mua của người quen, khi mua đã mang thai, ông không biết con lợn nái đã phối giống với con lợn đực nào và gia đình ông cũng bị mất lợn. Tuy nhiên, ông L không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh nguồn gốc con lợn nái, nguồn gốc bố của 08 con lợn con.

Quá trình giải quyết Tòa án đã xác minh các nhân chứng:

Bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị Th, bà Lê Thị T là những người chứng kiến vì các nhân chứng thường xuyên đến nhà bà V chơi có vào khu chăn nuôi của gia đình bà V xem, biết và các nhân chứng đều xác nhận gia

đình bà V có nuôi con lợn đang chữa và con lợn đực, đến tháng 11/2022 thì bà V bị mất con lợn nái này. Cũng khoảng cuối tháng 11/2022 thì được biết ông L là người cùng thôn đã bắt được 01 con lợn nái và 08 con lợn con.

Ngày 16/5/2023 Hội đồng xem xét, thẩm định đã tiến hành xem xét đặc điểm 01 con lợn nái và 08 con lợn (04 con bà V đang nuôi giữ, 04 con ông L đang nuôi giữ) đang tranh chấp giữa hai bên:

+ 01 con lợn nái đang nuôi giữ tại khu chăn nuôi của gia đình ông Lợi có đặc điểm như sau: Con lợn thuộc giống lợn lai rừng, màu lông đen, lông dài, mõm nhọn, trọng lượng khoảng 45 – 50 kg (có ảnh kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ).

+ 04 con lợn con đang nuôi giữ tại khu chăn nuôi của gia đình ông L có đặc điểm như sau: Giống lợn lai rừng, màu nâu đen, lông dài, có sọc dưa, trọng lượng khoảng 10kg đến 12 kg/01 con.

+ 04 con lợn con đang nuôi giữ tại khu chăn nuôi của gia đình bà V có đặc điểm như sau: Giống lợn lai rừng, màu nâu đen, lông dài, có sọc dưa, trọng lượng khoảng 15 kg đến 20 kg/01 con.

Ngày 18/8/2023, Hội đồng định giá đã định giá: 01 con lợn nái và 08 con lợn (Trong đó: 04 con lợn con bà V đang nuôi nhốt có trọng lượng khoảng 30kg/01con x 4 con = 120kg; 04 con lợn con ông L đang nuôi nhốt có trọng lượng khoảng 20kg/01 con x 4 con = 80kg) đang tranh chấp như sau:

- 08 (tám) con lợn con; trọng lượng: 200 kg; đơn giá: 120.000đ/01kg. Tổng trị giá: 200kg x 120.000đ = 24.000.000 đồng.

- 01(một) con lợn nái; trọng lượng: 60kg; đơn giá: 100.000đ/01kg; Tổng trị giá: 60kg x 100.000đ = 6.000.000 đồng.

(theo Biên bản định giá tài sản)

* Tại Kết luận giám định số 10/PTNTĐ – KHCN, ngày 11/8/2023 của Phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ tế bào động vật – Viện Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn kết luận:

Mẫu lợn có ký hiệu “L1” có quan hệ huyết thống mẹ - con với 04 mẫu lợn có ký hiệu L2, L3, L4, L5.

Mẫu lợn có ký hiệu “L1” có quan hệ huyết thống mẹ - con với 04 mẫu lợn có ký hiệu V2, V3, V4, V5.

Mẫu lợn có ký hiệu :V1” có quan hệ huyết thống bố - con với 04 mẫu lợn có ký hiệu V2, V3, V4, V5.

Mẫu lợn có ký hiệu “V1” có quan hệ huyết thống bố - con với 04 mẫu lợn có ký hiệu L2, L3, L4, L5

[4] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai của bà V và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ phù hợp với kết luận giám định 10/PTNTĐ – KHCN, ngày 11/8/2023 Phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ tế bào động vật – Viện Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Ông L không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh con lợn nái và 08 con lợn con của gia đình ông L và trong quá trình giải quyết ông L thừa nhận không phải lợn của gia đình ông, những con lợn này ông bắt được ở khu đất trống của gia đình Hà Nội bỏ không . Như vậy có cơ sở xác định 01 con lợn nái và 08 con lợn con đang tranh chấp là của gia đình bà V nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V. Tuy nhiên từ tháng 4/2023 bà V đã nuôi nhốt 04 con lợn con nay cần buộc ông Nguyễn Văn L trả lại cho bà Nguyễn Thị V 01 con lợn nái và 04 con lợn đang tranh chấp là phù hợp với quy định tại Điều 158; Khoản 1, Điều 163; Điều 164; Điều 165 và Khoản 1, Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về việc ông L yêu cầu bà V phải trả cho ông 10.000.000đồng tiền công chăn nuôi. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L đã được Tòa án giải thích đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nhưng ông L chỉ trình bày yêu cầu này trong bản tự khai, không có đơn yêu cầu cụ thể về nội dung này do vậy không có cơ sở để thụ lý yêu cầu phản tố của ông L đối với bà V về chi phí công sức chăn nuôi lợn. Tại phiên tòa ông L chưa yêu cầu bà V trả tiền chi phí công sức chăm sóc trong vụ án này. Nếu ông L có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà V được chấp nhận, nên ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà V là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự.

Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn L phải chịu chi phí giám định, do bà V đã nộp tiền chi phí giám định nên buộc ông L phải trả cho bà V số tiền chi phí giám định là 20.000.000 đồng. Bà V tự nguyện nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2, Điều 26; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a, Khoản 1, Điều 39; Khoản 4 điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 158; khoản 1 Điều 163; Điều 164; Điều 165 và khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V.

2. Xử: Buộc ông Nguyễn Văn L phải trả lại cho bà Nguyễn Thị V.

- 01(một) con lợn nái giống lợn lai rừng, màu nâu đen, lông dài. Trị giá 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

- 04 (bốn) con lợn giống lợn lai rừng, màu nâu đen, lông dài, có sọc dưa. Trị giá 9.600.000 đồng (*Chín triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Bà Nguyễn Thị V tiếp tục sở hữu 04 con lợn giống lợn lai rừng, màu nâu đen, lông dài, có sọc dưa (hiện bà V đang nuôi nhốt).

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản)

Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về phần yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn L phải trả cho bà Nguyễn Thị V 20.000.000đồng tiền chi phí giám định.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3.Về án phí: Ông Nguyễn Văn L phải nộp 780.000đồng (*Bảy trăm tám mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị V là người cao tuổi được miễn án phí dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lương Sơn;
- Chi cục THADS huyện Lương Sơn;
- Các đương sự;
- Công TTĐTAND;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Mai

